

Số: 07/TB-TCKH

Hồng Lĩnh, ngày 08 tháng 4 năm 2022

### THÔNG BÁO

#### Niêm yết công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách thị xã 3 tháng đầu năm 2022

Thực hiện thông tư 343/2016/TT/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Phòng TCKH thông báo công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách thị xã 3 tháng đầu năm 2022.

*(Có phụ lục chi tiết kèm theo)*

Thời gian niêm yết công khai từ ngày 08/4/2022 đến ngày 07/5/2022.

Địa điểm niêm yết công khai: Bảng tin trụ sở Ủy ban nhân dân thị xã Hồng Lĩnh và Cổng thông tin điện tử thị xã Hồng Lĩnh.

Vậy, Phòng Tài chính - Kế hoạch công khai để các cơ quan, tổ chức và toàn thể nhân dân trên địa bàn được biết./.

**Nơi nhận:**

- TT Thị uỷ, TT HĐND thị xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND thị xã;
- KBNN Hồng Lĩnh;
- Cổng thông tin điện tử thị xã;
- HĐND, UBND các phường, xã;
- Lưu: TCKH.

TRƯỞNG PHÒNG  
  
Nguyễn Thái Diễn

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 3 THÁNG NĂM 2022**

*ĐVT: Triệu đồng.*

TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 3 tháng	So sánh	
				DT	CK
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>Tổng thu NSNN trên địa bàn (1)</b>	<b>172.560</b>	<b>59.542</b>	<b>35</b>	<b>104</b>
1	Thu nội địa	172.560	59.542	35	104
2	Thu từ xuất, nhập khẩu				
3	Thu viện trợ không hoàn lại				
<b>B</b>	<b>Thu ngân sách địa phương</b>	<b>438.684</b>	<b>113.675</b>	<b>26</b>	<b>95</b>
1	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	106.560	53.675	50	134
-	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	1.900	80	4	145
-	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ	104.660	53.595	51	134
2	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	332.124	60.000	18	75
-	Bổ sung cân đối ngân sách	287.124	60.000	21	75
-	Bổ sung có mục tiêu	45.000		0	
<b>C</b>	<b>Chi ngân sách huyện</b>	<b>438.684</b>	<b>112.359</b>	<b>26</b>	<b>106</b>
1	Chi đầu tư phát triển	65.000	43.729	67	107
2	Chi thường xuyên	368.743	67.131	18	103
3	Dự phòng	4.941	1.500	30	500

**PHỤ LỤC**  
**THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**

ĐVT: Nghìn đồng

TT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2022	TH 3 đầu năm tháng 2022	Tỷ lệ %	
				KH	CK
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn</b>	<b>172.560.000</b>	<b>59.541.500</b>	<b>35</b>	<b>196</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>172.560.000</b>	<b>59.541.500</b>		
1	Thu từ xí nghiệp quốc doanh, ngoại tỉnh	100.000	44.703	45	346
2	Thuế ngoài quốc doanh	10.560.000	2.451.553	23	73
3	Thuế sử dụng đất phi NN	1.100.000	51.383	5	433
4	Thuế thu nhập cá nhân	6.000.000	3.937.481	66	170
5	Lệ phí trước bạ	26.500.000	11.853.401	45	94
6	Phí, lệ phí	1.700.000	1.176.561	69	150
7	Tiền thuê đất	23.000.000	18.653	0	50
8	Thu khác ngân sách	3.000.000	659.600	22	44
9	Thu khác tại phường, xã	300.000	28.337	9	11
10	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	300.000	100.000	33	150
11	Thu tiền cấp quyền SDD	100.000.000	39.219.828	39	238,8
<b>B</b>	<b>Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp</b>	<b>106.560.000</b>	<b>53.675.040</b>	<b>50</b>	<b>134</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	1.900.000	79.720	4	145
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	104.660.000	53.595.320	51	134

**THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ  
3 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**

*DVT: Nghìn đồng*

TT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2022	Thực hiện 3 tháng đầu năm 2022	So sánh	
				KH	CK
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH</b>	<b>454.907.764</b>	<b>112.359.497</b>	<b>25</b>	<b>42</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>65.000.000</b>	<b>43.728.700</b>	<b>67</b>	<b>28</b>
1	Nguồn bố trí	65.000.000	43.728.700	67	28
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>384.966.764</b>	<b>67.130.797</b>	<b>17</b>	<b>62</b>
1	Chi sự nghiệp kinh tế	116.677.521	2.129.511	2	83
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	119.410.604	21.541.242	18	52
3	Sự nghiệp Môi trường	16.900.000	5.707.295	34	63
4	Chi sự nghiệp Y tế - Dân số	26.457.030	4.257.842	16	70
5	Chi sự nghiệp Văn hóa - Truyền thông	4.718.930	1.093.441	23	65
8	Chi đảm bảo xã hội	13.436.598	6.416.226	48	116
9	Chi quản lý NN, Đảng, Đoàn thể	56.503.929	19.673.883	35	67
10	Chi an ninh - quốc phòng	22.622.194	5.021.356	22	77
-	Chi giữ gìn an ninh và an toàn xã hội	1.123.600	497.050	44	56
-	Chi quốc phòng địa phương	5.274.830	3.737.571	71	67
11	Kinh phí hỗ trợ đào tạo	200.000		0	0
12	Chi khác ngân sách	4.576.135	1.290.000	28	80
12.1	Chi khác ngân sách	1.469.079			
12.2	Chi thực hiện các nhiệm vụ chưa phân bổ về các đơn vị	1.290.000			
13	Kinh phí tăng lương trong năm	700.000			
14	Hỗ trợ hoạt động các đơn vị khối nội chính và các đơn vị trên địa bàn	320.000		0	0
15	Hỗ trợ vốn cho ngân hàng Chính sách XH	700.000		0	0
16	Kinh phí kỷ niệm 30 năm thành lập thị xã	1.383.171		0	
17	Kinh phí hoạt động Ban ATGT thị xã	360.652		0	0
<b>III</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>4.941.000</b>	<b>1.500.000</b>	<b>30</b>	<b>188</b>